

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 10 và 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Hồ Phước D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Lê Thị C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N có mặt, anh Hồ Phước D và bà Lê Thị C đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01-4-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 2003, chị N

và anh D yêu thương nhau, được gia đình 02 bên chấp thuận tổ chức lễ cưới cho chị N và anh D về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03-03-2004. Trong quan hệ hôn nhân chị N và anh D có được 02 con chung tên Hồ Thị Bảo C, sinh ngày 04-9-2004 và Hồ Trọng N1, sinh ngày 04-01-2008, hiện nay C và N1 đều đang sống chung với anh D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh D rất thường hay ăn chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc rồi có nhân tình bên ngoài không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con. Sống chung với nhau mười mấy năm nhưng tiền bạc thì mạnh người nào làm người đó xài, vợ chồng rất ít khi nói chuyện nên không có chia sẻ được với nhau về những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, chị N cố gắng sống chung với anh D hơn chục năm nay cũng chỉ vì lo cho các con chứ không có gì gọi là hạnh phúc. Kể từ khi anh D có nhân tình (từ khi bé C 02 tuổi là bắt đầu có đến nay cũng mấy người, hết người này đến người khác) nhiều lần được chị N khuyên can, anh D không những không nghe mà còn hăm he đòi chém đòi giết chị N nên chị N bị ảnh hưởng tâm lý rất lớn, hiện tại chị N còn sợ đến nỗi mỗi đêm phải uống thuốc ngủ mới ngủ được chứ không thì lại bị ám ảnh hoài không ngủ được. Chị N đã bỏ nhà đi và sống ly thân với anh D từ tháng 3-2019 đến nay. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Phước D.

- Về con chung: Yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Hồ Thị Bảo C, sinh ngày 04-9-2004 và Hồ Trọng N1, sinh ngày 04-01-2008, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hồ Phước D không hợp tác với Tòa án, không nộp văn bản ý kiến, không đồng ý để Tòa án lấy lời khai, cũng không đến Tòa án để hòa giải.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở nên chấp nhận, chị N được ly hôn với anh D; Đối với 02 con chung tên Hồ Thị Bảo C, sinh ngày 04-9-2004 và Hồ Trọng N1, sinh ngày 04-01-2008 thể hiện ý kiến nếu Tòa án cho cha mẹ ly hôn thì sống chung với mẹ nên giao 02 cháu cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 04-4-2019 nguyên đơn Nguyễn Thị N, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn Hồ Phước D, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy: Nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 09-4-2019 là đúng quy định tại các điều 5, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với bị đơn Hồ Phước D vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với người làm chứng Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án trong hồ sơ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh D cưới nhau và sống chung từ năm 2003, đến ngày 03-3-2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K. Do đó hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, từ khi ly thân (tháng 3-2019) đến nay thì anh D cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm lại với chị N. Việc mâu thuẫn trong tình cảm giữa chị N và anh D được mẹ ruột của anh D là bà Lê Thị C, trước đây sống chung nhà với anh D, chị N và hiện cũng đang sống chung nhà với anh D chứng kiến, bà C biết việc anh D có người tình bên ngoài và ăn chơi dẫn đến nợ nần, anh D cũng đã có hứa với chị N nhưng không khắc phục được. Ngoài ra anh D cũng không có thiện chí được Tòa án hòa giải đoàn tụ nên trong suốt quá trình điều tra vụ án anh D không hợp tác với Tòa án, anh D không đồng ý để Tòa án lấy lời khai hay ký nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhiều năm, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh D có được 02 con chung tên Hồ Thị Bảo C, sinh ngày 04-9-2004 và Hồ Trọng N1, sinh ngày 04-01-2008, hiện nay C và N1 đều đang sống chung với anh D. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu C và N1 là muốn được sống chung với chị

N nên chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh D phải giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D cũng không có ý kiến gì nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0007999 ngày 09-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí. Anh Hồ Phước D không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hồ Phước D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Hồ Thị Bảo C, sinh ngày 04-9-2004 và Hồ Trọng N1, sinh ngày 04-01-2008 (hiện 02 cháu C, N1 đang sống chung với anh D và nguyện vọng của 02 cháu C, N1 là muốn được sống chung với chị N). Anh Hồ Phước D có nghĩa vụ giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Hồ Phước D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu cấp dưỡng, anh Hồ Phước D không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Hồ Phước D không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0007999 ngày 09-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hồ Phước D không phải chịu án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15-11-2019). Riêng bị đơn Hồ Phước D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tựu